

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2017/HSST
Ngày 20/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Phương.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hùng Thắng.
2. Bà Đào Thị Thu Hoài.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2017/HSST ngày 31/5/2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc N – Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.
Sinh ngày 22/7/1982 tại tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Tổ 9 phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Nghề nghiệp: Không;

Tiền sự: Có 5 tiền sự, cụ thể: Từ năm 2010 đến năm 2016, Nguyễn Ngọc N liên tục chấp hành 5 đợt cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm Chữa bệnh, Giáo dục, Lao động xã hội thành phố L và Trung tâm, Chữa bệnh, Giáo dục, Lao động xã hội tỉnh Lào Cai. Ngày 27/10/2016 chấp hành xong về địa phương.

Tiền án: Không.

Con ông Nguyễn Anh M - Sinh năm 1950 và bà Đặng Ngọc V- Sinh năm 1955. Hiện cùng trú tại tổ 9 phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Bị cáo Nguyễn Ngọc N bị bắt tạm giữ từ ngày 5/5/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố L (Có mặt) .

Người bị hại: Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1960 (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 17, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Ngọc N bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 14 giờ ngày 5/5/2017, Nguyễn Ngọc N đi bộ đến số nhà 033, tổ 17 phường K, thành phố L phát hiện cửa nhà không khóa, Nguyễn Ngọc N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Nguyễn Ngọc N dùng tay mở cửa ra đi vào trong nhà thấy một chiếc tủ sắt bán hàng tạp hóa, cửa tủ không khóa bên trong có thuốc lá và một chiếc hòm bằng kim loại nhôm màu trắng, Nguyễn Ngọc N mở tủ lấy 10 bao thuốc lá gồm: 03 bao thuốc hiệu 555, 03 bao thuốc hiệu Vinataba, 02 bao thuốc hiệu Thăng Long, 02 bao thuốc hiệu White House rồi cho vào túi giả da màu đen đeo trên người. Sau đó, Nguyễn Ngọc N mở hòm nhôm ra thấy bên trong có một chiếc túi nilon màu đỏ nhãn hiệu Versinma, trong túi có 375.000đ và 36 thẻ cào điện thoại gồm: 18 thẻ cào mạng Viettel gồm: 1 thẻ 500.000đ, 2 thẻ 100.000đ, 11 thẻ 50.000đ, 4 thẻ 20.000đ. 11 thẻ cào mạng Mobiphone gồm: 1 thẻ 500.000đ, 3 thẻ 100.000đ, 5 thẻ 50.000đ, 2 thẻ 20.000đ. 07 thẻ cào mạng Vinaphone gồm: 3 thẻ 100.000đ, 2 thẻ 50.000đ, 2 thẻ 20.000đ, các thẻ cào chưa qua sử dụng. Nguyễn Ngọc N cho toàn bộ tài sản trộm cắp được vào túi giả da và đi ra ngoài cửa thì bị ông Nguyễn Văn H phát hiện, Nguyễn Ngọc N hoảng sợ bỏ lại chiếc túi giả da màu đen bên trong đựng thuốc lá và túi nilon màu đỏ đựng tiền và thẻ cào lại trước cửa nhà ông Nguyễn Văn H rồi bỏ chạy, ông Nguyễn Văn H đuổi theo đến khu vực cổng trường Tiểu học Lê Văn Tám thì bắt được Nguyễn Ngọc N giao cho Công an phường K, thành phố L giải quyết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 11/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản thành phố L kết luận: 36 thẻ cào điện thoại có giá trị là 2.860.000đ; 7 bao thuốc lá các loại có giá trị là 126.000đ. Riêng 03 bao thuốc lá hiệu 555 do không có hạn sử dụng ghi trên bao bì nên không xác định được giá trị. Hội đồng định giá trả lại cơ quan trung cầu.

Cáo trạng số 61/KSĐT ngày 30/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 điều 46 – Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 6 tháng đến 9 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc N khai nhận: Ngày 5/5/2017, Nguyễn Ngọc N đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn H tại số nhà 033, tổ 17 phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai gồm: 10 bao thuốc lá các loại, 36

chiếc thẻ cào thẻ cào điện thoại di động, tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 375.000đ. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là: 3.361.000đ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, người bị hại, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố L.

Bị cáo là người có nhân thân xấu từ năm 2010 đến năm 2016, bị cáo liên tục chấp hành 5 đợt cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội thành phố L và Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Lào Cai. Ngày 27/10/2016 chấp hành xong về địa phương, nhưng bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, tiếp tục nghiện ma túy mặc dù nhận thức rõ tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã coi thường pháp luật thực hiện hành vi phạm tội, mục đích lấy tiền phục vụ cho nhu cầu bất chính của bản thân. Vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thấy rằng. Hành vi phạm tội của bị cáo cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương bị cáo không có tài sản gì, không có khả năng thi hành hình phạt tiền. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 11/5/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại 10 bao thuốc lá, 36 thẻ cào điện thoại và số tiền 375.000đ đựng trong một túi nilon màu đỏ cho ông Nguyễn Văn H. Sau khi nhận lại tài sản ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị can Nguyễn Ngọc N phải bồi thường gì về trách nhiệm dân sự. Đối với 3 bao thuốc lá nhãn hiệu 555 do không xác định được giá trị nên ông Nguyễn Văn H cũng không yêu cầu định giá, nên không xem xét.

Về vật chứng của vụ án: Chuyển theo hồ sơ vụ án là 01 chiếc túi giải da màu đen đã qua sử dụng, xác định đây là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng, cần

tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
 2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 5/5/2017.
 3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi giả da màu đen đã qua sử dụng.
 4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm
- Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (1);
- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND TP. Lào Cai (1);
- Công an TP. Lào Cai (1);
- Trại giam (1); Bị cáo (1);
- THA DS TP. Lào Cai (1);
- Người bị hại (1)
- HS THA HS (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

Vũ Thị Mai Phương